

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

A

- A Ầ Ẫ
- A Di Đà Phật
- A La Hán
- a lại da
- Á Thánh
- Ả Rập triết học
- ác
- Achille và con rùa
- Acoka
- Adam
- Ai Cập Cổ giáo
- Ai Cập Độc Thần giáo
- ái
- Akhenaton
- Alexandre Đại Đế
- Ali
- Allah
- ám ảnh
- Amaterasu
- amen hay amin
- Amish giáo
- Ampère. André
- Ampère
- An Dương Vương
- An Hội Thánh Thất
- an vị
- Ananda
- Anaxagore
- Anaximandre
- Anaximène
- Anh Cả
- Anh giáo
- anh hùng
- Anh Lớn
- ảo giác
- ảo tưởng
- Archimède
- Aristote
- Arius giáo
- Arménie giáo đồ
- Atman
- Augustin. Saint
- Augustin
- Averroès

- Avicenne
- Âm
- âm chất
- Âm cung
- âm đức
- âm hồn
- âm phò mặc hộ
- Âm phủ - Âm ty
- ân
- ân điển
- ân đức
- ân hồng
- ân huệ
- ân phong
- Ân Trên
- ân chứng
- Ấn Độ giáo
- Ấn Độ triết học
- ân Tý
- Ấn tu giáo phái
- Âu châu Cổ giáo

B

- Ba Bi giáo
- ba phái bốn cơ quan
- ba la mật
- Ba Lan triết học
- Ba Tư Cổ giáo
- Ba Tỷ Luân giáo
- Baal giáo
- Bà Hai giáo
- Bà La Môn
- Bà La Môn giáo
- Bà Triệu
- Bá Di - Thúc Tề
- bá đạo
- bá quyền
- bá vương
- bác ái
- bác học
- Bạch Ngọc chung
- Bạch Ngọc Kinh
- Bạch tuyết thần quang
- Bạch Vân Động
- Bạch Y Liên Đoàn

- Chơn Lý
- Bacon. Roger Bacon
- bài cơ
- bài vị
- ban ân
- Ban Cai quản
- Ban Chính Đạo
- Ban Nội tá Hiệp Thiên Đài
- Ban Thiên Lạ Ma
- bàn đào
- bàn thờ
- bản hữu quan niệm
- bản năng
- Bản Thể
- Bản Thể Hư Vô
- Bản Thể Luận
- bảng môn tả đạo
- Bảng Phong Thần
- báo ứng
- báo ứng nhãn tiền
- Bảo Công quả
- Bảo Cơ quân
- Bảo Đạo
- Bảo Địa Linh quân
- Bảo Gia Lợi - giáo đồ
- Bảo Học quân
- Bảo Huyền Linh quân
- Bảo Nông quân
- Bảo Pháp
- Bảo Sanh quân
- Bảo Sĩ quân
- Bảo Thế
- Bảo Tinh quân
- Bảo Thương quân
- bảo tồn
- Bảo Văn Pháp quân
- Bảo Y quân
- bát âm
- bát bát
- Bát Chánh Hồng Phạm
- Bát Chánh Đạo
- bát giới
- bát loạn
- bát nhã

- Bát Nương
- Bát Quái
- Bát Quái Đài
- Bát Quái Đồ Thiên
- Bát Quái mạo
- bát thức
- Bát Tiên
- Bắc Đẩu
- Bắc Đẩu Cung
- Bắc Khuyết
- Bàn Đạo
- bất sinh bất diệt
- Bergson. *Henri* Bergson
- bể khổ
- bến mê
- bệnh
- Bếp Nhạc
- bi quan
- bí ngữ
- bí pháp
- bí quyết
- bỉ ngạn
- biến hình thuyết
- biện chứng pháp
- biểu tượng pháp
- bình bát du
- bình đẳng
- bói toán
- bồ đề
- bồ đề tâm
- bồ đề thọ
- Bồ Tát
- Bồ Tát thừa
- bố hóa
- bố thí ba la mật
- bộ
- bốc phệ
- bốn phận
- Bồng đảo
- Bồng lai nhược thủy
- Brahma
- Brahman
- Brahmana
- bùa
- buôn Thần bán Thánh

Đồng Tân

- Bửu Điện
- Bửu Linh
- Bửu Phan
- Bửu Thập
- Bửu Vị

C

- ca trù
- cà sa
- cá nhân chủ nghĩa
- cách mệnh
- cách vật trí tri
- Cai kinh
- Cai nhạc
- Cải Trạng
- Calvin. Jean Calvin
- Calvin giáo phái
- cam lộ
- cảm giác
- cảm ứng
- cảm xúc
- Càn Khôn Vũ Trụ
- Càn Tịch
- canh cải chơn truyền
- Cao Đài
- Cao Đài Đại Đạo
- Cao Đài Giáo - thể hiện ban đầu 1921-1927
- Cao Đài Giáo đến năm 1933
- Cao Đài Giáo Lý
- Cao Đài Giáo Lý Viện
- Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát
- Cao Đài tính
- Cao Đài Tôn Giáo
- Cao Đài Triết Học Nhân Bản
- Cao hoải Sang
- Cao hữu Chí
- Cao quỳnh Cư
- cao siêu
- Cao sĩ Tấn
- Cao triều Phát
- căn
- căn duyên
- căn trần
- cất á ly gia
- cất da qui đầu
- cấm lĩnh
- Càn Đước Đàn
- Càn Thơ Đàn
- Cấp Cô Độc
- câu đối
- Câu Xá tông
- cầu
- cầu cơ
- cầu đàn
- cầu hồn
- Cầu Kho Thánh Thất
- cầu nguyện
- cầu phong
- cầu siêu
- cầu tiên
- Civa hay Shiva
- Cối Hư linh
- cối phù sinh
- Comte. *Auguste Comte*
- Constantin Đại Đế
- Copernic. *Nicholas Copernic*
- Coran
- cô hồn
- Công Đồng Giáo hội
- Công giáo
- công phu
- công quả
- Công Tôn Long
- công trình
- công viên quả mẫn
- cộng sản chủ nghĩa
- Cổ Đại giáo
- cơ bút
- Cơ Đốc giáo
- Cơ Đốc Phục Lâm
- cơ hội chủ nghĩa
- cơ ngẫu
- Cơ quan Cao Đài Duy Nhất

- Cơ quan Cao Đài Đại Đạo Liên Đoàn
- Cơ quan Cao Đài Hiệp Nhứt
- Cơ quan Cao Đài Qui Nhứt
- Cơ quan Cao Đài Thống Nhứt
- Cơ quan Phổ Thông Giáo Lý
- Cơ quan Truyền Giáo Trung bộ
- Cơ quan Truyền Giáo Trung Bắc bộ
- Cơ Tạo Hóa
- cơ tấn hóa
- cờ
- cờ Tiên rượ Thánh
- cúng
- cúng nước
- cuồng tín
- Curie. *Pierre Curie Marie Curie*
- Cự lạc
- cứu
- cứu cánh luận
- cứu giáo
- cứu vị
- cứu chuyển
- cứu cổ
- Cửu Huyền Thất Tổ
- cứu khiêu
- Cửu Nương
- Cửu phẩm Thần Tiên
- Cửu Thiên Khai Hóa
- Cửu Trùng Đài
- Cửu Trùng Thiên
- cửu tuần
- cửu tuyền
- cửu tự cù lao
- Cửu vị Thần linh Ai Cập
- Cửu vị Tiên Nương
- Cửu Viện

Ch

- Cha
- chánh
- Chánh đạo
- chánh diện
- chánh giác
- Chánh giáo
- chánh kỷ hóa nhân
- Chánh Phối Sư
- Chánh Trị Sự
- chay
- châm cứu
- chân
- Chân không diệu hữu
- chân lý
- chân ngôn
- Chân Ngôn tông
- Chân Như
- chân tâm
- Châu Minh Tòa Thánh
- chết
- Chi
- Chi Đạo
- chi phái
- Chi Pháp
- Chi Thế
- Chí Thiện
- Chí Tôn
- chiêm tinh học
- chiến tranh
- chiến tranh tôn giáo
- chiết trung chủ nghĩa
- Chiêu Minh
- Chiêu Minh Bửu Tòa
- Chiêu Minh Đàn
- Chiêu Minh Tam giáo
- Chiêu Minh Tam Thanh
- chim bồ câu
- Chính Thống giáo
- Chiites giáo
- Chợ Lớn Đàn
- Chơn Đạo
- Chơn Nhơn

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- Chơn Quân
- Chơn Thanh
- Chơn Thần
- Chơn Tiên
- chơn truyền
- Chu Công và Thiệu Công
- Chu Đôn Di
- Chu Hy
- chú ý
- chủ quan luận
- chùa
- Chúa Ba Ngôi
- Chung Quanh Ván Đê Thi Nhân
- chủng tộc chủ nghĩa
- chuỗi hột
- chuyển hóa
- chuyển pháp luân
- Chúc cầm hồi văn
- chúc sắc
- chứng quả bồ đề
- Chương Ấn
- Chương Đạo Nguyệt Tâm
- Chương Pháp
- Chương Pháp Cung

D

- D.O.M.
- Da Tô giáo
- danh
- Darwin thuyết
- dân chủ
- dây oan
- Démiurge
- Démocrite
- Dervi - giáo đoàn
- Descartes. René Descartes
- Di Lạc
- Di Lạc chơn kinh
- di truyền
- dị dạng thuyết
- Diaspora
- Didakhê

- Diêm cung
- Diêm phù
- Diêm Vương
- Điều Trì Cung
- Điều Trì Kim Mẫu
- Diệu lý Thiên cơ
- diệu khuyết
- dinh hư tiêu trưởng
- Diogène Le Cynique
- Do Thái giáo
- Do Thái - Cơ Đốc giáo
- Dominique. Saint Dominique
- Druides giáo
- Druzes giáo
- du đạo
- dục giới
- dục tình
- dung hòa
- dung hòa chủ nghĩa
- dung hợp
- Dụng
- duy danh luận
- duy linh luận
- duy lợi luận
- duy lý luận
- duy mỹ luận
- duy Ngã độc tôn
- duy ngã luận
- duy nghiệm luận
- Duy Tâm Tuần báo
- duy tâm chủ nghĩa
- duy thức học
- duy thực luận
- duy trí luận
- duy tưởng luận
- duy vật biện chứng pháp
- duy vật chủ nghĩa
- duy ý chí luận
- duyên
- Duyên giác thừa
- duyên khởi luận
- Dương
- Dương Chu
- Dương Đông

- Dương Đông Đàn
- Dương Hùng
- dương khí
- dương thế
- dương trần
- dưỡng sanh tánh mạng

Đ

- Đạt Lai Lạt Ma
- đa nguyên luận
- Đa Thần giáo
- đá triết lý
- đài
- Đài tưởng niệm Phú Quốc
- đái thiên lý địa
- đại ân
- đại ân
- đại bi tâm
- Đại Bồ Tát
- Đại Bốn giáo
- đại căn
- Đại Đạo
- Đại Đạo tạp chí
- Đại Đạo Căn Nguyên
- Đại Đạo nguyệt san
- Đại Đạo Qui Nguyên
- Đại Đạo Sử Cương
- Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ
- Đại Đạo Truy Nguyên
- Đại đồng
- Đại đồng Nho giáo
- Đại Đồng Tạp Chí
- Đại đồng Tôn giáo
- Đại đồng Vô biệt
- Đại Học
- đại lễ
- Đại Linh Quang
- đại phục
- đại thọ
- Đại Thừa
- Đại Thừa Chơn Giáo
- Đại Thừa Phật giáo
- Đại thừa Tâm pháp
- Đại tướng
- Đại Vũ (Nhà Hạ)
- Đại xá
- đam mê
- Đàn
- Đàn Càn Đức
- Đàn Càn Thơ
- Đàn Chợ Lớn
- Đàn Dương Đông
- Đàn Huyền Quang
- Đàn Khai Nguyên
- Đàn Long Ẩn
- Đàn Long Hoa
- Đàn Minh Cảnh
- Đàn Phú Lâm
- Đàn Tân Thuận
- Đàn Toàn Chơn
- đàn cơ
- đàn Tiên
- đàn tràng
- Đạo
- Đạo Đồi Tạt Chí
- đạo đức
- Đạo Đức Kim Tiên
- Đạo Đức Kinh
- Đạo hiệu
- Đạo học
- đạo hữu
- Đạo Huyền Đồng
- Đạo luật Mậu Dần
- Đạo Lý Ứng Dụng
- Đạo ngạn
- Đạo Nghị Định
- Đạo Nguyên Chánh Nghĩa
- Đạo Nhơn
- Đạo pháp
- Đạo Quân Áo Trắng
- đạo tâm
- Đạt Ma Tổ Sư
- đắc đạo
- đắc nhứt
- đắc thành cụ vị
- đặc ân
- Đầu Họ Đạo
- Đầu Nhạc hay Nhạc

Đồng Tân

- Sư
- Đầu Sư
- Đầu Tộc
- Đầu Suất Cung
- Đầu Tốt Cung
- Đề Bà Đạt Da
- Đề nhạc
- Đề tam quốc tế
- đề
- Đèn Thánh
- địa ách
- Địa cầu
- Địa chi
- Địa Cục giáo
- Địa ngục
- Địa phủ
- Địa Tạng Vương
- Địa Tiên
- điển
- điển ký
- diếu tang
- định
- Định châu
- Định hương
- định mệnh thuyết
- Đoàn văn Bản
- độ
- độ sanh độ tử
- Đốc nhạc
- độc giả
- Độc Thần giáo
- Đội nhạc
- đối đạo
- Đồng phương
- Đồng Phương Sốc
- đồng cốt
- đồng nhi
- đồng qui thù đồ
- đồng tử
- Động đảo
- Động Lực
- Đồng trọng Thư
- đốt sách chôn nho
- đời
- đời sống
- Đơn điền
- Đơn thư chiếu triệu

- Đuốc Chơn Lý
- Đức Cao Đài
- đức
- Đức quốc giáo phái
- Đức quốc triết học
- đức tin
- Đường Tăng Tam Tạng
- đường tà

E

- Einstein. Albert Einstein
- Éléates
- Empédocle
- Épictète
- Épicure
- Eva

F

- *Fakir*
- Feuillants
- Fichte. Johann Gottlieb Fichte
- Franc-Maconnerie
- Franciscain
- Francois d'Assise. St Francois d'Assise

G

- Galilée. Galileo Galilei
- Gandhi. Mohandas Karamchand Gandhi
- Ghose. Aurobindo Ghose
- gia đình
- giả
- giả thân
- giác
- giác hồn
- Giác linh
- Giác ngân
- giác ngộ

- giác thức
- giác tượng
- giải oan
- giải thoát
- giải thoát hương
- giải thoát luận
- Giám đạo
- giảng
- giảng cơ
- giảng đàn
- giảng khẩu
- Giảng Ma Xử
- giảng nhãn
- giảng nhĩ
- giảng tâm
- giảng thủ
- giảng trần
- Giảng Đạo Chơn Ngôn
- Giảng Đạo Yếu Ngôn
- Giáo chủ
- Giáo điều
- Giáo hoàng
- Giáo hội Da Tô
- Giáo Hữu
- giáo lý
- giáo nhi
- giáo phái
- Giáo phái Hoa Kỳ
- Giáo phái Nga La Tô
- giáo phẩm
- giáo sĩ
- Giáo Sư
- Giáo thiện
- Giáo Tông
- giầy vô ưu
- giấy tiền vàng bạc
- gieo quẻ
- giới
- giới cấm
- Giới hương
- giới luật
- Gobron. *Gabriel* Gobron
- Granth
- Guru

H

- Hà đồ
- Hạ giới
- hạ ngu
- Hạ nguon
- Hạ thừa
- hạc
- Hai Bà Trưng
- hàm phong
- Hàn Dũ
- Hàn Phi Tử
- hang Platon
- Hành chánh
- Hành Đạo nguyệt san
- hành động
- Hành Động Đông Dương
- hành hương
- Hành Thiện
- hành trì
- Hạo nhiên chi khí
- Hạo Nhiên Thiên
- Hasidim
- Hằng Hà (sông)
- Hấp dẫn lực vũ trụ
- hấp hối
- Hậu Thiên
- Hậu Thiên An Lư
- Hậu Thiên Cơ Ngẫu
- Hậu Thiên Ngũ Hành
- Hegel. Georg Wilhelm Friedrich Hegel
- Hegire
- Heidegger. Martin Heidegger
- Hemingway. Ernest Hemingway
- Héraclite
- Hérodote
- Hích
- Hiền tài
- Hiền triết
- hiến chương
- Hiến Đạo
- Hiến Pháp
- Hiến Thế

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- hiện sinh
- hiện sinh thuyết
- hiện thân
- Hiện Tượng
- Hiện Tượng luận
- Hiện Tượng nguyên thủy
- Hiện Tượng nhân tạo
- Hiện Tượng thiên nhiên
- Hiệp Chương Hòa Thượng
- Hiệp Chương mạo
- Hiệp Lý
- Hiệp Thiên Đài
- Hiệp tín lý thuyết
- hiểu
- hình hài
- Hình nhi hạ học
- Hình nhi thượng học
- hình phạt
- hình thức chủ nghĩa
- Histoire et Philosophie du Caodaisme
- Họ Đạo
- Hoa Nghiêm tông
- hoa sen
- hóa nhân
- hóa thân
- hoài nghi thuyết
- Hoàng Cực Hồng Phạm
- Hoàng Đế
- học đạo
- Homère
- Hộ Pháp
- Hộ Pháp
- Hộ Pháp Di Đà
- hồi dương
- Hồi giáo
- hồi quang phản chiếu
- hồi qui
- hồi tâm
- hồi tưởng lý thuyết
- hội
- Hội Công Đồng

- Hội giáo Cao Đài Thượng Đế
- Hội Long Hoa
- Hội Long Vân
- Hội Nhơn Sanh
- Hội Tam Giáo
- Hội Thánh
- Hội Thánh
- Hội Thánh Chiếu Minh Long Châu
- Hội Thánh Ngoại Giao
- Hội Thánh Phước Thiện
- Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài
- Hội Thánh Truyền Giáo Trung Bộ
- Hội Vạn Linh
- Hội Văn Hóa Cao Đài
- hôn lễ
- hôn
- hôn nhiên
- Hồn Nguơn mạo
- Hồn Nguơn Thiên
- hồng ân
- Hồng Bàng
- Hồng Mông
- Hồng Nguơn thời đại
- Hồng Phạm Cửu Trù
- hồng phúc
- Hồng Thập Tự giáo
- Huấn Nữ Từ Âm
- huệ
- Huệ đăng
- Huệ hương
- Huệ Mạng Kim Cang
- Huệ Năng
- Huệ Thi
- Hugo. Victor Hugo
- Huyền bí giáo lý
- huyền cơ
- huyền diệu
- Huyền môn
- Huyền quang
- Huyền Quang Đàn
- Huyền vi

- Huỳnh Đạo
- Huỳnh Kim Khuyết
- Huỳnh ngọc Trắc
- Huỳnh phú Sổ
- Huỳnh Thiên
- hư
- Hư không
- hư không chủ nghĩa
- Hư linh
- Hư vô
- Hư vô chi khí
- Hư vô tịch diệt
- Hư Vô Thiên
- Hứa Hành
- Hưng Đạo Đại Vương
- Hương
- Hướng đạo
- hữu
- Hữu Thần luận
- Hữu Thể
- hữu vũ trụ
- Hy Lạp Cổ giáo
- Hy Lạp triết học

I

- Imam
- Ioniens
- Ismaéliens hay Ismailiens

J

- Jaini giáo
- Jansénius
- Jansénius giáo
- Jean. Saint Jean
- Jean Baptiste. Saint Jean Baptiste
- Jeanne d'Arc
- Jéhovah
- Jérôme. Saint Jérôme
- Jérusalem
- Jésuites cộng đồng
- Jésus
- Jodo
- Joseph. Saint Joseph

- Judas

K

- Kabbale
- Kant. Emmanuel Kant
- Kardec. Allan Kardec
- Keo
- Kê nghi Hồng Phạm
- kê
- Khalife
- khách quan hóa
- khách quan luận
- khai đàn
- Khai Đạo
- khai khẩu
- Khai Nguyên Đàn
- khai nhãn
- khai nhĩ
- Khai Pháp
- khai tâm
- Khai Thế
- Khang hữu Vi
- khái niệm luận
- khám thờ
- khảo thí
- khảo thí
- khắc kỷ chủ nghĩa
- khăn đen khăn trắng
- Khâm châu
- Khâm mạng
- Khâm sai
- Khâm trấn
- khẩu nghiệp
- khẩu Phật tâm xà
- khẩu truyền tâm thọ
- Khế Ước Xã Hội
- Khí
- khí chất
- Khoa bí truyền
- khoa học
- Khoa học Cơ Đốc
- khoa học quá khích chủ nghĩa
- khóa huyền vi
- khổ tu
- Khởi khoa mạo

Động Tân

- Khôn Tịch
- Không
- Không không
- không tưởng thuyết
- Khổng Cấp
- Khổng giáo
- Khổng Khâu
- Khuyến nho
- khuynh hướng
- khứ ám hồi minh
- khứ trước lưu thanh
- Ki Tô giáo
- kiêm ái
- kiên thành chủ nghĩa
- kiêng khem
- kiếp
- kiếp khời
- Kiệt
- Kim bồn
- Kim đồng
- Kim đơn
- Kim Quang Tiên
- Kim thân
- Kim Thiên
- Kim Tiên
- Kinh
- Kinh Dịch
- Kinh Gia Lễ Nghi
- Thức Thường Hành
- Kinh Hoa Nghiêm
- Kinh Lễ
- Kinh Phúc Âm
- Kinh tạng Phật giáo
- Kinh Tận Độ
- Kinh Thánh
- Kinh Thi
- Kinh Thiên Đạo Thế Đạo
- Kinh Thư
- Kinh tông
- Kinh Viện học
- Kinh Xuân Thu
- Krishna
- Krishnamurti
- kỳ
- ký ức
- kỷ nguyên

- Kỷ nguyên Hiên triết
- Kỷ nguyên Thi nhân
- Kỷ nguyên Thông thái
- kỷ niệm
- kỹ thuật

L

- La Mã Cổ giáo
- lạc quan chủ nghĩa
- Lạc Thư
- lão
- Lão Đàm
- Lão giáo
- Lạt Ma giáo
- Lavoisier. *Antoine Laurent de Lavoisier*
- Lâm quang Bính
- Lâm ngọc Thanh
- lân
- lập danh an lư
- Lập Khuyết Cung
- Leibniz. *Gottfried Wilhelm Leibniz*
- Lê bá Trang
- Lê Đạo Long
- Lê kim Ty
- Lê Minh Huân
- Lê Ngung
- Lê Nin
- Lê Nin thuyết
- Lê trí Hiên
- Lê văn Bảy
- Lê văn Lịch
- Lê văn Trung
- lễ
- lễ chế
- Lễ Giảng sinh Cơ Đốc
- Lễ Khai cử
- Lễ Khai Minh Đại Đạo
- lễ kỵ nhựt
- lễ nghi
- Lễ Nhập môn Cao Đài giáo

- lễ rước Tiên linh ngày xuân
- Lễ Sanh
- lễ sinh nhựt
- lễ sĩ
- Lễ Tắm thánh
- Lễ Thành nhân
- Lễ Thánh hóa
- Lễ Vía
- lịch sử
- Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Quyển I - Phần Vô Vi tâm pháp 1921-27
- Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Quyển II - Phần Phổ Độ 1: Khai giáo Nam VN 1926 -1937
- Lịch Sử Cao Đài Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Quyển III - Phần Phổ Độ 2: Truyền giáo Trung Bắc VN 1934-1955
- Lịch Sử và Triết Học Cao Đài giáo
- Lịch Trình Tư Tưởng Cao Đài giáo từ 1921-1980
- liên đài
- Liên Hoa Đàn
- Liên Hòa Tổng Hội
- liên tưởng
- Liệt Ngự Khẩu
- Liệt Tử
- liễu đạo
- linh căn
- linh chi
- linh cửu
- linh đơn
- Linh hồn
- Linh hồn giáo
- Linh phan
- Linh Năng
- Linh Quang
- linh sơn

- Linh Tháp Quảng Ngãi
- Linh thông biến hóa
- Linh Tiêu Điện
- Linh vật giáo
- Lịnh sắc
- Long
- Long Ấn Đàn
- Long Hoa Đàn
- Long Hồ hội
- Long Hựu Đàn
- long thẳng hổ giáng
- Long Thọ
- Long tu phiên
- Long Vân đại hội
- Lôi Âm Cổ
- Lôi Âm Tự
- lỗi lầm
- lời thề
- lợi quyền
- luân hồi
- luân lý
- Luận Đạo Vấn Đáp
- luận lý học
- luận lý học tượng trưng
- Luận Ngữ
- Luận tạng Phật giáo
- luật
- Luật Sự
- Luật tạng Phật giáo
- Luật tông Phật giáo
- Luc. Saint Luc
- lục căn
- Lục cực Hồng phạm
- lục dục
- lục đại
- lục đạo
- lục độ
- lục đức
- lục hạnh
- lục khí
- Lục Nương
- lục tặc
- lục tề
- lục thân

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- Lục Thần
- Lục Thông
- lục thức
- lục trần
- lục tướng
- Lục Tượng Sơn
- Lucifer. Saint Lucifer
- Luther. *Martin* Luther
- Luther giáo phái
- Luyện đạo
- luyện đơn
- luyện đơn nấu thuốc
- Luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, luyện Thần huồn Hư
- lư hương
- lư nhang
- Lư Thoa
- lư trầm
- lửa
- lực
- Lực
- Lực bảo tồn
- Lực tự chế
- Lực tương giao
- Lực tương khắc
- Lương khảo Siêu
- lương năng
- lương tâm
- lương tri
- Lưỡng Nghi
- lưu xuất thuyết
- Lý
- lý luận
- Lý trọng Quý
- Lý Thái Bạch
- Lý Thuyết Tổng Hợp
- lý tính
- lý trí
- lý tưởng
- lý tưởng luận

M

- ma
- Ma Ha Tát
- ma khảo

- Mã Minh
- Mahatma
- Mahavira
- Mahavira giáo
- Mahomet
- Malebranche
- mẫn phần
- Mandala
- Mandéen giáo đồ
- Manès
- Manès giáo
- Mạnh Đức Tư Cư
- Mạnh Kha
- Mạnh Tử
- Manu
- Marc. Saint Marc
- Marie . Sainte Marie
- mặt kiếp
- mặt na thức
- Matthieu. Saint Matthieu
- Marx. *Karl* Marx
- Marxit chủ nghĩa
- Máy huyền vi
- Mặc Dịch
- mặc khải
- Mặc Kinh
- mặc niệm
- Mặc Tử
- mặc tưởng
- mận (*ăn*)
- mặt trời
- Mẫn Tử Khiên
- Mật giáo Tây Tạng
- Mật tông
- màu nhiệm
- Mecca
- mê tân
- mê tín dị đoan
- mê tưởng luận
- Mễ Tây Cơ Cổ giáo
- Mi sa
- Milarepa
- Minh
- Minh Cảnh Đàn
- Minh Chơn Đạo
- Minh Chơn Lý
- Minh Đức Thánh Tịnh

- Minh Đức
- Minh Đường
- Minh Giáo Thánh Truyền
- Minh Lý
- Minh Sư
- minh sư
- Minh Tân
- Minh Thiện
- Minh tra
- Moise
- Montesquieu. *Charles* Montesquieu
- Mormon giáo
- Mô thể
- Môn đồ Cathare
- Môn phái khổ hạnh
- Mông Thọ
- mộng
- mộng mị
- mở Thiên Nhân
- mục đích của Cao Đài giáo
- mục đích luận
- mục đích tính
- Mục Kiền Liên
- Mục sư
- mười điều răn
- Mỹ châu Cổ giáo
- Mỹ Thạnh
- mỹ thuật

N

- Nam mô
- Nam mô Pháp
- Nam mô Phật
- Nam mô Tăng
- nam nữ bình quyền
- Nam Tào
- Nam Thành Thánh Thất
- Nanak
- Năng lượng hạch nhân
- Nestorien giáo đồ
- Newton. *Isaac* Newton
- Nê Huồn Cung
- nền phong hóa
- Ni Kim Cô
- Nietzsche. *Friedrich*

Đồng Tân

- Nietzsche
- niêm
- Niết bàn
- Noel
- Nobel. *Alfred Nobel*
- Nội đạo
- Nội giáo tâm truyền
- nội tại
- Nỗi Lòng Cô Phụ Việt Nam
- nợ
- Nữ Chung Hòa
- Nữ Thần
- Nữ Trung Tòng Phận
- nữ tu
- Nữ tu Cao Đài giáo
- Nữ tu Cơ Đốc giáo
- Nữ tu Hồi giáo
- Nữ tu Phật giáo

Ng

- Nga giáo đồ
- nga quý
- Ngã
- Ngạn Uyển
- ngày giỗ
- ngày lành tháng tốt
- Ngân kiều
- Ngẫu lục
- ngẫu nhiên thuyết
- Ngẫu tượng giáo
- nghệ thuật
- nghĩa
- Nghiễn
- Nghiệp
- Nghiệt dài
- Nghiêu
- ngoại đạo
- ngoại đạo tính
- Ngoại giáo Công truyền
- Ngọc
- Ngọc cơ
- Ngọc Diệt Hình
- Ngọc Hoàng Thượng Đế

- Ngọc Hoàng Thượng Đế bửu cáo
- Ngọc Hoàng Sấm
- Ngọc Hư Cung
- Ngọc Kinh
- Ngọc Minh Thánh Tòa
- Ngọc Nữ
- Ngọc Sắc
- Ngọc Thanh
- Ngọc Thanh Thiên
- Ngó Minh Chiêu
- Ngôi Ba
- Ngôi Hai
- Ngôi Một
- ngôi vị
- Ngó thừa Ân
- Ngự Đồi
- Ngũ Chi Đại Đạo
- Ngũ Chi Minh Đạo
- Ngũ Chi Phục Nhứt
- Ngũ Đế
- ngũ giới cấm
- Ngũ hành
- Ngũ hành Hồng Phạm
- Ngũ hương
- Ngũ Khí triều nguồn
- Ngũ Kinh
- Ngũ kỹ Hồng Phạm
- Ngũ Lôi
- ngũ minh
- ngũ nguyên
- Ngũ Nương
- Ngũ phúc Hồng Phạm
- Ngũ phương
- ngũ sự
- Ngũ sự Hồng Phạm
- Ngũ tách pháp
- Ngũ thừa
- Ngũ thường
- ngũ trực
- ngũ uẩn
- Ngũ vị
- ngũ vị tân
- Nguơn

- Nguơn điều tàn
- Nguơn Khí
- Nguơn Thần
- Nguơn Thiên mạo
- Nguơn thượng đức
- Nguơn thượng lực
- Nguơn thượng mưu
- Nguơn Tinh
- ngụy biện
- nguyên
- nguyên hồn
- Nguyên Khí Tự Nhiên
- Nguyên Lý Thiên Nhiên
- nguyên nhân
- Nguyên Nhân đầu tiên
- Nguyên Tiêu
- nguyên tử
- nguyên tử thuyết
- Nguyễn bỉnh Khiêm
- Nguyễn Đán
- Nguyễn ngọc Ngợi
- Nguyễn ngọc Thơ
- Nguyễn ngọc Tương
- Nguyễn phan Long
- Nguyễn phát Trước
- Nguyễn quang Châu
- Nguyễn trung Hậu
- Nguyễn văn Ca
- Nguyễn văn Tương
- Nguyễn văn Tường
- người
- người ăn chay
- người ăn mặn
- người chỉ kiêu

Nh

- Nhạc sĩ
- Nhạc sư
- Nhan Hồi
- nhận tín
- Nhân tạng Chánh pháp
- nhân

- nhân
- nhân
- nhân chủng học
- Nhân chứng đáng Christ
- Nhân chứng đáng Jéhovah
- Nhân Diện
- nhân duyên
- Nhân đạo
- Nhân đức
- Nhân loại học
- Nhân loại giáo
- Nhân loại triết lý
- nhân mạng
- nhân minh luận
- nhân quả
- nhân sanh
- Nhân sanh
- Nhân sinh quan Cao Đài giáo
- Nhân Sinh tập chí
- nhân thừa
- Nhân Tiên
- Nhân trí
- Nhân Vật Cao Đài giáo
- Nhân vị chủ nghĩa
- Nhân Vương thủ
- nhận thức luận
- nhấn nhac ba la mật
- nhập định
- Nhất Kỳ Phổ Độ
- nhất nguyên luận
- Nhất Nương
- Nhị Kỳ Phổ Độ
- nhị nguyên luận
- Nhị Nương
- nhị xác thân
- Nhiễm Bá Ngu
- Nhiễm Hữu
- Nhiên Đăng Cổ Phật
- Nhiên Đăng Cổ Phật bửu cáo
- Nho giáo
- Nho giáo bửu cáo
- Nho học

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- Nhơn đạo
- Nhơn Tiên
- Như Lai
- Nhựt Bản giáo phái
- Nhựt Nguyệt mào

O

- oan
- oan nghiệt
- oan trái
- oán Thiên vu nhân
- OM
- Oomoto giáo
- Orphée thuyết
- Osiris
- Ôn Trên

P

- Parménide
- Pascal. *Blaise* Pascal
- Pasteur. *Louis* Pasteur
- Paul. Saint Paul
- Pélage giáo đồ
- Pérou giáo đồ
- Pharisien
- phách
- phái
- Phái Bến Tre
- Phái Tây Ninh
- Phái Tiên Thiên
- Phạm công Tắc
- Phạm môn, Phạm nghiệp, Phạm từ
- phạm Thiên điều
- Phan Thanh
- Phan thiện Trì
- phán đoán
- Phán Xét cuối cùng
- Phán Xét tổng thể
- phạn tăng
- Phạm Thiên
- phán bốn hườn nguyên
- Phán hồn hương
- phán tỉnh

- Pháp
- Pháp Chánh Truyền
- pháp danh
- Pháp đàn
- Pháp đình Cơ Đốc
- pháp giới
- Pháp - Giáo hội
- Pháp luân
- Pháp luân thường chuyển
- pháp môn
- pháp nhân
- Pháp sư
- pháp thuật
- Pháp Tướng tông
- Phẩm vị
- phân biệt chánh tà
- phân chia chỉ phái
- phân tâm học
- phân thanh khứ trực
- phân thân
- phân tích thuyết
- Phần Phổ Độ
- Phần Vô Vi
- Phát chủ
- Phật
- Phật đạo
- Phật giáo
- Phật giáo Hòa Hảo
- Phật Mẫu
- Phật Mẫu chơn kinh
- Phật nhựt tăng huy
- Phật pháp
- Phật thụ
- phép bí tích
- phép đặt tay
- phép giải tội
- phép lạ
- phép nhận nhân hình
- phép rửa tội
- phép thánh thể
- phép thêm sức
- phép truyền chức thánh
- phép xác
- phép xúc đầu
- phê bình thuyết

- Phi châu cổ giáo
- phi luân thuyết
- phi mệnh thuyết
- Phi Tướng Thiên
- Phiếm Thần giáo
- phiến não
- phò cơ
- phò loan
- Phò Loan (*nhóm*)
- Phó Trị Sự
- Phó Yển Điều Trị
- Phong Thần
- Phong trào cải cách
- Cơ Đốc giáo
- phòng kín
- Phổ Đà Sơn
- phổ biến luận
- phổ độ
- Phổ Hiền
- phổ tế
- Phối Sư
- phù phép
- phù thủy
- Phú Lâm Đàn
- phụ nữ thuyết
- Phủ Đồ
- Phục Hy
- Phục Sinh
- Phụng
- phước đức
- Phước Thiện
- Phương Châm Hành Đạo
- Phương Pháp luận
- Phương Thiên mạo
- Pierre. Saint Pierre
- Plato
- Plotinus
- Port Royal
- Potlatch
- Prajapati
- Pythagore
- Pythagore-giáo
- Pythie

Q

- quả
- quả báo nhãn tiền
- Quả Càn Khôn
- Quái
- Quakers giáo đồ
- Quan Âm Bồ Tát
- Quan Âm Tự
- Quan Thánh Đế Quân
- quán nhứt chấp trung
- Quán nhạc
- Quang Năng
- quang thuyết
- Quân đội Cao Đài
- Quân đội Liên Minh
- quân tử
- quẻ
- quẻ xưa vị cũ
- qui
- qui liễu
- qui nhứt
- qui nguyên phục nhứt
- qui Tam Bảo hiệp Ngũ Hành
- quì lạy
- quỹ Dạ Xoa
- quyền
- Quyền Lực Thiên Nhiên
- quyền lực thuyết
- Quyền Vạn Linh
- quỳnh tương

R

- Ra hay Ré
- Rahula
- Ramakrishna
- Roy. *Ram Mohan* Roy
- rằm
- Revue Caodaique
- Revue Caodaiste
- Rishis
- Rousseau. *Jean-*

Đồng Tân

- Jacques Rousseau
• rượu bồ đào
• rượu thuốc trường sinh

S

- Sabbat
- Sabellius-giáo đồ
- Sama-giáo
- sa mạc
- Sa Nặc
- sách
- Sách Phần Cao Đài giáo
- Sám Hối kinh
- sáng tạo
- sanh linh
- sát na
- sát sanh
- Satan
- sắc giới
- sắc pháp
- Schopenhauer. Arthur Schopenhauer
- Sĩ Đạt Tha
- Sĩ Tài
- siêu phàm nhập thánh
- siêu thoát
- Sikh-giáo
- Simon. Saint Simon
- sinh
- sinh hoạt
- Sinh lực
- sinh nhật
- sinh tồn thuyết
- sinh vật tự sinh
- Sion thuyết
- Smith. Joseph Smith
- Sóc
- Socrate
- song tu tánh mạng
- Soufis thuyết
- số kiếp
- số mệnh
- sông mê

- số
- Spinoza. Baruch Spinoza
- Sujata
- Sumer-giáo
- Sùng Hưng Tự
- Sunnites-giáo
- Suzuki. Daisetz Teitaro Suzuki
- sứ mạng
- sử dụng phạm trần
- sử học
- Sử Ký
- sử tính
- Syrie - giáo

T

- Tà thần
- tà thuyết
- tá danh
- tả phái
- tạ thế
- tài đức
- tái sinh
- tái vũ trang luân lý
- Talmud
- Tam biểu pháp
- Tam Bửu
- tam cang
- tam cổ mao lư
- Tam Dân chủ nghĩa
- Tam Dân Cửu Viện
- tam đại
- Tam đức Hồng Phạm
- tam đồ
- Tam Giác Thần Bí
- Tam giáo
- Tam giáo Cửu lưu
- Tam Giáo Qui Nguyên
- tam giới
- Tam Hậu
- Tam Hoàng
- tam huê tự đánh
- Tam Kỳ
- Tam Kỳ Nguyên

Nguyên Bản Bản

- Tam Kỳ Phổ Độ
- Tam Luận tông
- Tam Nhân
- Tam Nương
- Tam Quan Hội Thánh
- Tam Quang mạo
- tam qui
- Tam quyền phân lập
- tam sanh
- tam tai
- Tam Tài
- Tam Tạng kinh
- Tam tánh luận
- Tam Thanh
- Tam Thanh Thiên
- Tam Thánh Đại Động
- Tam Thập Lục Thiên
- Tam thể Phật
- Tam Thiên Thế Giới
- Tam thừa Cửu chuyển
- Tam thừa Phật giáo
- Tam Tông Miếu
- Tam Trấn
- tam tùng
- Tam Vi Nhất Thể
- Tang chế
- Tang lễ
- tánh hay tính
- tánh tình
- Tạo Hóa Thiên
- tẩm thánh
- Tăng Sâm
- Tâm (theo Cao Đài giáo)
- Tâm (theo Nho giáo)
- Tâm (theo Phật giáo)
- Tâm (theo Tây phương)
- tâm địa
- Tâm giới
- tâm hồn
- Tâm linh Con người
- Tâm Linh Vũ Trụ
- tâm phạm
- Tâm pháp

- Tâm sở hữu pháp
- Tâm thể
- Tâm Vật Bình Hành, Trung Dung Quán Nhứt
- Tân Chiếu Minh
- Tân Dân
- Tân Franc Maconnerie
- Tân giáo Cơ Đốc
- Tân Kant thuyết
- Tân Luật
- Tân pháp (Bến Tre)
- Tân Plato thuyết
- Tân Sa Ma giáo
- Tân sinh thuyết
- Tân Thông Linh học
- Tân Thuận Đàn
- tân thực nghiệm thuyết
- Tân Tra giáo
- Tân Thủy Hoàng
- Tận Độ
- Tận thế
- Tận Thức Cung
- tập quán
- tất nhiên
- Tây Du Ký
- Tây Ninh phái
- Tây Tạng giáo
- Tây thiên
- Tây Thành Thánh Thất
- Tây Vực
- tế lễ
- Tế Ngã
- Tích Sơn
- Tịch Cốc
- tịch diệt
- Tịch đạo
- Tiềm Lực Thiên Nhiên
- tiềm thức
- Tiên
- Tiên cảnh
- Tiên Cô
- Tiên cung

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- Tiên đạo
- Tiên giáo bửu cáo
- Tiên Nương
- Tiên Ông
- Tiên thể
- tiên thiên
- Tiên Thiên phái
- Tiên Thiên cơ ngẫu
- Tiên Thiên lập danh
- Tiên Thiên Ngũ Khí - Hậu Thiên Ngũ Hành
- Tiên Thiên Hư Vô chỉ Khí
- Tiên Thiên Tuyên Bố tạp chí
- Tiên tịch
- Tiên tục đôi phang
- Tiên Tử
- tiên thiên
- tiên kiếp
- tiên nhập môn
- tiên thân
- tiên bộ
- tiên hóa luận
- Tiếp dẫn Đạo nhơn
- Tiếp Đạo
- tiếp điển
- Tiếp lễ Nhạc quân
- Tiếp Pháp
- tiếp qui
- Tiếp Thế
- tiêu điều Cực lạc
- Tiểu A Hàm
- tiểu khang
- tiểu lễ
- Tiểu Linh Quang
- tiểu nhân
- tiểu phục
- Tiểu Thiên Địa
- Tiểu Thừa Phật giáo
- Tiểu tường
- Tìm Hiểu Căn bản Triết Học Cao Đài
- Tìm hiểu Đạo Cao Đài
- Tin Lành giáo
- tín
- Tín điều chủ nghĩa
- tín ngưỡng
- tín ngưỡng thuyết
- tinh
- Tinh
- Tinh lực
- tinh nhất
- tinh tấn ba la mật
- Tinh Thần Luật Pháp
- tình cảm
- tính khí
- tính tình
- tính luyện
- Tinh Thất
- Tinh Thổ tông
- tinh điền
- Tinh tội giới
- Tòa án Bồng Sơn
- Tòa đạo
- Tòa Phán Xét
- Tòa Tam Giáo Cửu Trùng Đài
- Tòa Tam Giáo Hiệp Thiên Đài
- Tòa Thánh Tây Ninh
- Toàn Chơn Đản
- Toàn Năng
- Toàn Tri
- Tolstoy. Lev Tolstoy
- Torah
- Tổ Vật giáo
- tội
- tội phạm thánh
- tội tổ tông
- Tôn dật Tiên
- tôn giáo
- tôn giáo học
- Tôn Giáo Xã Hội
- tôn tâm dưỡng tánh
- Tông chỉ Cao Đài giáo
- Tổng Lý
- Tổng Quan Cao Đài giáo
- Tsongkhapa
- tu
- tu hành
- tu quanh
- tu sĩ
- tu tất
- tu thân
- tu viện
- Tuần Tử
- tuần cửu
- Tuần hoàn Vũ trụ
- tục
- tuổi tác
- Tuyên Ngôn Khai Đạo
- Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền
- tuyệt đối
- tư bản chủ nghĩa
- Tư Bản Luận
- Tư Mã Thiên
- từ bi
- từ hàng
- Từ Lâm Tự
- Từ lực
- Từ Văn Tự
- Từ bất tử
- Tứ Diệu Đế
- tứ đại
- Tứ Đại Bộ Châu
- Tứ đại điều qui
- tứ đức
- tứ đồ tường
- tứ khổ
- Tứ Linh
- Tứ Linh Đồng Tử
- Tứ Nương
- tứ sinh
- tứ thời
- Tứ Thư
- Tứ Tổ qui gia
- Tứ Tượng
- tự do
- tự giác
- tự kỷ ám thị
- tự nhiên luận
- tự tại
- tự thức
- tự ti mặc cảm
- tự xét mình
- tử
- tử an pháp
- Tử Cống
- Tử Hạ
- Tử Lộ
- Tử Trương
- Tử Tư
- tương đối thuyết
- tướng
- Tướng
- Tượng giáo
- tưởng tượng

Th

- tha nhân
- thác oan
- Thái
- Thái Cực
- Thái Cực đặng
- thái quá bất cập
- Thái Sơn lương mộc
- Thái Thanh
- Thái Thanh Thiên
- Thái Thượng Đạo Quân
- Thái Thượng Đạo Quân bửu cáo
- Thalès
- Thảm sát Thánh Tử đạo Cao Đài tại Quảng Ngãi
- Thang
- Thanh
- thanh cân
- Thanh giáo đồ
- Thanh Thiên
- Thanh Văn thừa
- Thành Cát Tư Hãn
- thành chánh quả
- Thành Thật tông
- Thánh
- Thánh Bút Điều Hòa
- Thánh ca
- Thánh chỉ
- Thánh chiến
- Thánh đạo
- Thánh dẫn

Đồng Tân

- Thánh địa
- Thánh Đức Kinh
- Thánh Đường
- Thánh Đường Ai Cập giáo
- Thánh Đường Ấn Độ giáo
- Thánh Đường Cao Đài giáo
- Thánh Đường Da Tô giáo
- Thánh Đường Do Thái giáo
- Thánh Đường Hồi giáo
- Thánh Đường Hy Lạp giáo
- Thánh Đường Lạt Ma giáo
- Thánh Đường Phật giáo
- Thánh Đường Thần giáo
- Thánh giá Cơ Đốc
- Thánh Huấn
- Thánh Huấn Khai Đạo - Giao Thừa Bính Dần
- Thánh Ngôn
- Thánh Ngôn Hiệp Tuyển
- Thánh nhân
- Thánh thai
- Thánh Thần
- Thánh Thất
- Thánh Thất Cầu Kho
- Thánh Thất Cẩm Phả
- Thánh Thất Nam Thành
- Thánh Thất Tây Thành
- Thánh tích
- Thánh Tịnh
- Thánh Tịnh Minh Đức
- Thánh Tịnh Thanh Quang
- Thánh trí
- Thánh tử đạo
- Thánh tượng
- Thánh xan
- Thảo lư
- Thần
- Thần
- Thần bí
- Thần bí chủ nghĩa
- Thần bí khoa học
- Thần chú
- Thần đạo
- thần giao cách cảm
- Thần giáo
- Thần học
- Thần linh
- Thần Mặt Trời
- Thần nhân đồng hình thuyết
- Thần Nông
- Thần Thánh La Mã Đế Quốc
- Thần thi
- Thần thoại
- Thần thoại thuyết
- Thần thông
- Thần Tú
- thập ác nghiệp
- Thập điện Diêm Vương
- thập giới
- thập hình
- thập huyền
- thập loại cô hồn
- Thập nhị Bảo quân
- Thập Nhị Khai Thiên
- thập nhị nhân duyên
- Thập nhị Thời quân
- Thập nhị Thời Thần
- Thập pháp giới
- Thập phương
- Thập tam kinh
- Thập thiện nghiệp
- Thập Triết
- Thập Tự quân
- Thập Tự Tam Thanh
- thất chơn truyền
- Thất Hiền
- Thất Nương
- Thất Phật
- Thất Thánh
- Thất Thập Nhị Địa
- thất tình
- thật
- Thật Tướng tống
- Thầy
- Théotokos
- thể
- thể đạo
- thể gian
- thể giới
- Thế Giới - Ý Chí và Biểu Tượng
- Thế giới Chiến tranh lần I
- Thế giới Chiến tranh lần II
- Thế hệ
- Thế hệ luận
- Thế mạt luận
- Thế Thân
- thế tôn
- Thế
- Thế
- Thế
- thể Thiên hành hóa
- Thế Tính
- Thế Tính Học
- thi ca
- Thi nhân
- Thích Ca Mâu Ni
- Thích giáo bửu cáo
- thích nghi
- Thiên ân
- Thiên ân đại xá
- Thiên Bàn
- thiên biến vạn hóa
- Thiên can
- Thiên Chúa giáo
- Thiên chức
- Thiên cơ
- Thiên đàng
- Thiên Đạo
- Thiên đình
- Thiên Địa Vạn Vật Nhứt Thể
- Thiên điển
- Thiên điều
- thiên động thuyết
- Thiên hiện học
- Thiên Hoàng - Địa Hoàng - Nhơn Hoàng
- Thiên khai Huỳnh Đạo
- Thiên khái
- Thiên luận
- Thiên lý
- Thiên Lý Mật Truyền
- Thiên mạng
- Thiên môn
- Thiên Nguyên mạo
- Thiên Nhân
- Thiên nhân ái hữu hội
- Thiên nhân hiệp nhứt
- thiên nhiên
- Thiên phong
- Thiên sứ
- Thiên tai
- Thiên Tào
- Thiên thai
- Thiên Thai tông
- Thiên Thần
- Thiên Thư
- Thiên thừa
- Thiên Tiên
- Thiên tôn
- Thiên Văn học
- Thiên định
- Thiên tông
- thiện
- thiện nhân đắc ác quả
- thiêng liêng
- Thiệu Ung
- thánh huyền thanh tri ngã ý
- Thỏa Ước Tây Thành
- thoát vòng sinh tử
- Thomas. Saint Thomas d'Aquin
- Thomas d'Aquin

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

- thuyết
- thời miên
- Thông linh điển
- Thông linh học
- Thông Sự
- Thông thái
- Thông Thiên dài
- Thông Thiên học
- Thông tư cấm đạo tại Trung kỳ
- thờ Ông Bà
- thờ phụng
- thời vận
- Thủ Dầu Một Đoàn
- thuần chơn vô ngã
- Thuần
- thuốc trường sanh
- thuyền Bát nhã
- thuyền tế độ
- thuyền từ
- thuyết biến hình vũ trụ
- thuyết lý trí hữu hạn
- thư hùng kiếm
- Thử Trung Hồng Phạm
- thử thách
- Thừa Sứ
- thừa trọng tôn
- thức
- thức
- thức thần
- thực dụng chủ nghĩa
- thực hành thuyết
- thực nghiệm thuyết
- Thực Thể
- thực thể học
- thực thể nghiệm chứng
- thực tri luận
- Thượng
- Thượng Đế
- Thượng Đế Lý Tính
- Thượng giới
- Thượng Hội
- Thượng kỳ Ân xá
- Thượng nguồn

- Thượng Phẩm
- Thượng Sanh
- Thượng Thanh
- Thượng Thanh Thiên
- Thượng thống
- Thượng thừa
- Thượng trí

Tr

- trả ân
- trả nợ
- trả quả
- trách nhiệm
- trai đường
- trai giới
- trai kỳ
- Trang Chu
- Trang Tử
- trầm tư mặc tưởng
- trầm tư siêu hình
- trần ai
- Trần công Bang
- Trần Đạo Quang
- Trần Đoàn
- trần gian
- Trần Huyền Trang
- Trần Hưng Đạo
- Trần nguyên Chất
- Trần phong Sắc
- Trần quang Vinh
- Trần văn Quế
- Trần văn Thụ
- tri hành hiệp nhất
- Tri kiến hương
- tri giới ba la mật
- trí
- Trí Giác Cung
- Trí Huệ Cung
- trí lương tri
- Trí Thể
- trí tuệ Ba la mật
- Triết gia
- triết học
- triết học lịch sử
- Triết học Nhân bản
- trình tiết

- Trình Di
- Trình Hạo
- Trình minh Thế
- Trọng Cung
- Trọng lực
- trợ duyên
- Trời
- trời
- Trụ nhà Ân
- trực xuất
- trung
- Trung Dung
- Trung Đạo
- trung đàn
- Trung giới
- Trung Hoa giáo
- Trung Hoa triết học
- Trung Hòa học phái
- Trung Hưng Bửu Tòa
- trung lễ
- Trung Mỹ Cổ giáo đồ
- trung nhơn
- Trung thừa
- truy điệu
- truy hồn
- truy phong
- truyền giáo
- Truyền Trạng
- Trương hữu Đức
- trừ tà
- trực giác
- Trục quan thuyết
- Trước Lý Minh Đài
- Trước Tiết Tàng Thơ
- Trương Tái
- Trường Canh Thái Bạch
- trường công quả
- trường khảo duyệt
- trượng phu
- Trường Lão phái

U

- u hiển
- u minh
- Úc châu cổ giáo

- uế nang
- ưu thiên

V

- Vạn
- Vạn Giáo Nhất Lý
- Vạn Pháp Cung
- Vạn Pháp Quy Tông
- Vatican
- văn chương
- văn hóa
- văn hóa chủ nghĩa
- Văn Hóa Sử Cao Đài
- Văn Học Cao Đài
- văn minh
- Văn Vương nhà Chu
- vận
- vận mệnh
- vận mệnh luận
- vật
- vật cạnh thiên trạch
- vật hy sinh
- Vật thể
- Vedanta
- Vệ Đà
- vĩa
- Vĩnh Nguyên Tự
- Vishnu
- Vivekananda
- võ sĩ đạo
- Voltaire. Francois Marie Arouet
- Voltaire
- vong linh
- Võ văn Sang
- Vô
- vô định thuyết
- vô minh
- vô ngã
- vô sản
- vô sắc giới
- vô sở bất tại
- vô sở hành giáo
- Vô thần giáo
- vô thường
- vô thường mệnh lệnh

Đồng Tân

- vô tín thuyết
- vô trần
- Vô Trước
- vô vi
- Vô Vi
- Vô Vi Do Thái giáo
- Vô Vi Tam Thanh
- vô Vũ trụ
- Vọng
- vọng ngữ
- vu hích
- Vu Lan
- Vũ Môn
- Vũ Trụ
- Vũ trụ quan Cao Đài giáo
- Vũ Vương nhà Chu
- Vương Dương Minh
- Vương đạo
- Vương quan Kỳ
- Vương thị Lễ
- Vương Thông
- ý tưởng
- yêu thuật
- yoga
- Young. Brigham Young

Z

- Z
- Zarathoustra- giáo
- Zen giáo
- Zénon d'Élée

W

- Whitman. Walt Whitman

X

- Xá Lợi Phất
- xã hội chủ nghĩa
- xã hội học
- xả thân
- xác thân
- xăm
- xây bàn
- Xích Thiên
- xú bì nang
- xuân huyền
- xuất thần

Y

- ý chí
- ý thức
- Ý thức hệ tam vô

Bách Khoa Toàn Thư Cao Đài Giáo

Hội Văn Hóa Cao Đài - Đồng Tân Trần Thái Chân

